SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
AN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT - TỔNG HỢP AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL22B2TS
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghiệp vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hình sự và Tố tụng HS(4)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Điểm TB	Xếp loại
1	2253801012822	Nguyễn Phạm	Tâm	18/08/1988	9.3	9.2	6.2	9.9	6.8	8.3	**7.9**	Khá
2	2253801012823	Thạch Văn	Thành	05/04/1991	8.8	8.3	8.0	9.7	7.2	8.0	**8.0**	Giỏi
3	2253801012824	Võ Thị Mai	Thảo	05/10/2000	9.4	9.4	7.9	9.7	8.4	8.5	**8.7**	Giỏi
4	2253801012825	Huỳnh Trí	Thiện	10/07/1990	9.3	8.5	7.1	9.8	8.5	7.5	**8.2**	Giỏi
5	2253801012828	Đoàn Trung	Tính	25/01/2003	9.8	9.2	7.3	9.9	7.8	8.7	**8.5**	Giỏi
6	2253801012829	Lê Thị Huỳnh	Trân	12/05/2006	9.1	9.5	8.1	8.7	7.5	8.2	**8.4**	Giỏi
7	2253801012830	Đinh Thị Tuyết	Vân	05/02/1993	9.5	9.4	7.7	9.8	7.8	7.7	**8.4**	Giỏi
8	2253801013365	Lê Hoàng	Anh	24/02/1989	8.7	9.0	8.1	10.0	7.9	7.9	**8.4**	Giỏi
9	2253801013366	Nguyễn Thị	Chúc	24/05/1988	9.5	8.9	8.0	10.0	8.0	9.0	**8.6**	Giỏi
10	2253801013367	Trần Văn	Để	22/02/1969	9.2	9.0	8.3	10.0	8.0	7.9	**8.5**	Giỏi
11	2253801013370	Lâm Thị Thanh	Hiếu	11/03/1990	9.8	9.5	8.5	10.0	9.0	9.5	**9.2**	Xuất sắc
12	2253801013373	Huê Hồng	Phú	20/11/1976	9.7	8.9	8.0	8.0	8.0	8.1	**8.3**	Giỏi
13	2253801013375	Trần Thanh	Tiềng	26/03/1974	9.1	9.3	7.1	10.0	8.2	8.4	**8.5**	Giỏi

Lưu ý: *Môn học **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Ths. Trần Thanh Dũng

Châu Đốc, ngày 28 tháng 11 năm 2023
Người lập bảng

Trần Quốc Thái